

# Một số vấn đề đặt ra trong quan hệ giữa các tộc người thiểu số với người Kinh ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc

Trần Hồng Thu\*

Nhận ngày 26 tháng 02 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 8 tháng 5 năm 2025.

**Tóm tắt:** Dựa trên kết quả nghiên cứu thực địa tại ba địa phương biên giới của các tỉnh Quảng Ninh, Cao Bằng, Lào Cai, bài viết tổng hợp, phân tích một số vấn đề đặt ra trong kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh quốc phòng giữa các tộc người thiểu số với người Kinh, bao gồm các tranh chấp liên quan đến tài nguyên thiên nhiên, sự phụ thuộc kinh tế vào thị trường Trung Quốc và sự thao túng của tầng lớp trung gian là người Kinh, sự chênh lệch trong phát triển ở vùng biên giới giữa các tộc người, thiếu hụt việc làm, gia tăng tệ nạn xã hội, biến đổi văn hoá, mất cân bằng về tộc người trong hệ thống chính trị và thiếu hụt lực lượng tham gia bảo vệ biên giới. Bài viết<sup>1</sup> cũng đề xuất một số khuyến nghị về chính sách để giải quyết các vấn đề đặt ra trong mối quan hệ giữa các tộc người thiểu số với người Kinh ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

**Từ khoá:** Quan hệ tộc người, tộc người thiểu số, người Kinh, vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

**Phân loại ngành:** Dân tộc học

**Abstract:** Based on the results of fieldwork conducted in three border localities of Quảng Ninh, Cao Bằng and Lào Cai provinces, this article synthesizes and analyzes several emerging issues in the relationships between ethnic minorities and the Kinh people in the areas of economics, culture, society, and national defense and security. These issues include disputes over natural resources, economic dependence on the Chinese market, the manipulation of intermediary Kinh groups, disparities in development among ethnic groups in border areas, job shortages, the rise of social problems, cultural transformations, ethnic imbalances within the political system, and a lack of personnel for border protection. The article also proposes policy recommendations to address these challenges in the relationship between ethnic minorities and the Kinh people in the Vietnam-China border region.

**Keywords:** Ethnic relationship, ethnic minorities, Kinh people, Vietnam - China border region.

**Subject classification:** Ethnology

## 1. Mở đầu

Vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc bao gồm các tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh, có tổng diện tích đất tự nhiên là 5.126.329 ha, có 1449,566 km giáp với hai tỉnh Quảng Tây và Vân Nam của Trung Quốc. Đây là khu vực có địa hình đồi núi hiểm trở, độ dốc cao, nhưng giàu khoáng sản, là cửa ngõ phía Bắc

---

\* Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: tranhongthu74@yahoo.com

<sup>1</sup> Bài viết là sản phẩm của đề tài cấp Bộ “Quan hệ dân tộc với phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm an ninh, chính trị ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay và định hướng đến năm 2030” thuộc chương trình trọng điểm cấp Bộ “Nghiên cứu tổng thể vùng biên giới đất liền ở Việt Nam góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị trong điều kiện hiện nay” do PGS.TS. Nguyễn Văn Minh làm chủ nhiệm, Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam là đơn vị chủ trì.

của vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ Việt Nam, có quan hệ mật thiết về kinh tế với phía Nam và Đông Nam Trung Quốc nên có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế cửa khẩu và công nghiệp khai khoáng, phát triển du lịch văn hóa, du lịch lịch sử và du lịch sinh thái. Khu vực này có vị trí chiến lược về an ninh, quốc phòng đối với cả nước. Vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc có khoảng 25 tộc người sinh sống. Các nhóm cư dân ở vùng biên giới chủ yếu là những tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến, Hmông - Dao và Tày - Thái, trong đó đông nhất là người Tày, Nùng, Hmông, Dao (Trần Văn Hà, 2012). Bên cạnh một bộ phận người tộc người thiểu số như người Tày, Nùng được xem như là cư dân bản địa trong vùng, phần lớn các tộc người thiểu số sinh sống ở vùng biên giới có nguồn gốc Trung Quốc, di cư sang Việt Nam tại nhiều thời điểm khác nhau. Hầu hết các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc có quan hệ đồng tộc, thân tộc với các tộc người ở phía Trung Quốc.

Người Kinh đã phát triển mối quan hệ với các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc từ rất lâu đời, qua chính sách *nhu viễn* của các triều đại phong kiến như việc gả con cho các thủ lĩnh tộc người thiểu số, chính sách cử quan lại lên cai trị ở vùng biên giới, hoặc qua các hoạt động buôn bán của các thương nhân, đặc biệt là các đợt di chuyển cư lên công tác, lao động, khai hoang những năm 1960-1970 và di cư tự do lên làm ăn kinh tế những năm 1990 sau khi quan hệ Việt Nam - Trung Quốc được bình thường hóa (1991), qua việc cư trú xen kẽ và hôn nhân. Các di chuyển cư lớn của người Kinh theo chính sách phát triển khu kinh tế mới trong những năm 1960-1970 và di cư tự do sau năm 1991 đã biến người Kinh từ một tộc người “thiểu số” ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc trở thành một bộ phận dân cư đông đảo, đóng vai trò chủ đạo trong việc phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và bảo đảm an ninh trật tự, an ninh chính trị và an ninh quốc phòng vùng biên giới. Người Kinh và các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã đoàn kết, hợp tác cùng nhau trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc qua các cuộc chiến tranh thống nhất đất nước và chiến tranh bảo vệ biên giới, trong phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và của đất nước.

Mối quan hệ giữa người dân các tộc người thiểu số và người Kinh tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc phát triển trên nhiều lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh và chính trị, góp phần đáng kể vào phát triển khu vực.

Trong kinh tế, người Kinh hỗ trợ các dân tộc thiểu số cải thiện nông nghiệp, mở rộng thủy lợi và giới thiệu kỹ thuật canh tác mới, giúp tăng sản lượng và thúc đẩy thương mại hóa nông sản, lâm sản và thủy sản. Sự hợp tác này tạo thêm nhiều việc làm và cải thiện thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, quá trình hợp tác này cũng gây ra những mâu thuẫn như tranh chấp đất đai và khoảng cách giàu nghèo giữa hai nhóm. Các nghề thủ công truyền thống của người dân tộc thiểu số được phục hồi nhờ du lịch nhưng cũng đối mặt với sự cạnh tranh từ sản phẩm công nghiệp. Trong công nghiệp và khai thác tài nguyên, người dân tộc thiểu số chủ yếu làm thuê, hưởng lợi ích hạn chế, còn người Kinh nắm phần lớn lợi ích, dẫn đến ô nhiễm môi trường và cạn kiệt tài nguyên. Thương mại, dịch vụ và du lịch phát triển nhưng lợi ích chủ yếu thuộc về người Kinh, tạo nên sự chênh lệch kinh tế và tác động tiêu cực đến văn hóa truyền thống.

Mối quan hệ giữa người dân các tộc người thiểu số và người Kinh tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc có ảnh hưởng tích cực, giúp nâng cao nhận thức và ý thức bảo tồn văn hóa truyền thống, thể hiện qua các chương trình và dự án bảo tồn tại nhiều địa phương như Quảng Ninh và Cao Bằng. Tuy nhiên, nó cũng gây ra những tác động tiêu cực, như việc một số giá trị văn hóa truyền thống bị mai một do bị coi là lạc hậu hoặc không phù hợp. Sự tiếp

biến văn hóa diễn ra mạnh mẽ, với người dân tộc thiểu số tiếp nhận nhiều yếu tố từ văn hóa Kinh, như ngôn ngữ, trang phục, và ẩm thực, trong khi một số người Kinh cũng bắt đầu học hỏi các tập quán của các tộc người thiểu số. Trong thực hành tín ngưỡng, sự biến đổi cũng diễn ra, với nhiều yếu tố văn hóa Kinh được tích hợp vào lễ nghi truyền thống của dân tộc thiểu số và ngược lại.

Trong lĩnh vực an ninh chính trị, mối quan hệ hợp tác giữa người dân các tộc người thiểu số và người Kinh tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã góp phần củng cố hệ thống chính trị tại cơ sở. Lực lượng giữ gìn trật tự, an ninh được tăng cường, cùng với sự nâng cao nhận thức về chủ quyền quốc gia của người dân. Đời sống của người dân đã được cải thiện nhờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước và các tổ chức. Tuy nhiên, khó khăn vẫn hiện hữu, đặc biệt là sự phụ thuộc vào các hoạt động biên mậu và tình trạng đóng biên từ năm 2020, khiến thu nhập giảm. Trình độ học vấn thấp và hạn chế trong việc sử dụng tiếng Việt làm cho người dân các tộc người thiểu số bị tụt hậu. Sự gia tăng tệ nạn xã hội và tranh chấp đất đai, có thể dẫn đến sự bất ổn trong trật tự an ninh và làm tổn hại đến khối đại đoàn kết dân tộc.

Dựa trên các tư liệu điền dã dân tộc học năm 2021-2022<sup>2</sup> tại khu vực biên giới ba tỉnh Quảng Ninh, Cao Bằng và Lào Cai<sup>3</sup>, bài viết này tập trung phân tích một số vấn đề đang đặt ra về quan hệ giữa các tộc người thiểu số và người Kinh ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

## **2. Quan hệ giữa các tộc người thiểu số với người Kinh trong lĩnh vực kinh tế**

### *2.1. Tranh chấp trong hưởng dụng tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên đất*

Sự có mặt ngày càng nhiều của người Kinh lên vùng biên giới đã buộc người dân các tộc người thiểu số phải chia sẻ nguồn tài nguyên thiên nhiên với người Kinh. Các nguồn tài nguyên này chủ yếu là tài nguyên đất, nước và rừng. Các tài nguyên khoáng sản thuộc sự quản lý của nhà nước nên không được kể đến như là sự chia sẻ tài nguyên giữa các tộc người vùng biên giới, mặc dù người Kinh tham gia chủ yếu vào việc khai thác, chế biến và hưởng lợi từ tài nguyên khoáng sản.

Trong việc chia sẻ nguồn tài nguyên đất, sự có mặt của người Kinh làm thu hẹp các diện tích đất canh tác và đất ở của các tộc người thiểu số bằng nhiều hình thức như được nhà nước cho phép khai hoang theo diện di cư lên vùng kinh tế mới, được nhà nước chia đất, giao khoán đất từ các nông, lâm trường, mua bán đầu giá đất với chính quyền địa phương và mua bán đất với những người tộc người thiểu số sở tại. Tình trạng thiếu đất sản xuất của người dân các tộc người thiểu số còn xuất phát từ một số nguyên nhân như do dân số gia tăng ở vùng biên giới, tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất ở một bộ phận người dân các tộc người thiểu số tăng lên; các đô thị phát triển, các khu công nghiệp được xây dựng, nhiều công trình thủy điện được xây dựng đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến đất ở và đất sản xuất của đồng bào tộc người thiểu số, trong khi đó, việc đền bù giải phóng mặt bằng chưa được thỏa đáng, giá trị đền bù thấp hơn giá thị trường. Một số hộ gia đình tộc người thiểu số do thiếu đất đã xâm canh vào đất nông, lâm trường, đất rừng phòng hộ. Tất cả những điều đó đã dẫn đến những mâu thuẫn, tranh chấp đất đai giữa người dân các tộc người thiểu số với người Kinh; với các nông, lâm trường, các doanh nghiệp; và với các công trình thủy điện mà người đại diện, người quản lý chủ yếu là người Kinh.

---

<sup>2</sup> Đề tài đã tiến hành 3 cuộc thảo luận nhóm cán bộ cấp tỉnh, 3 cuộc thảo luận nhóm cán bộ cấp huyện, 3 cuộc thảo luận nhóm cán bộ cấp xã và 20 cuộc phỏng vấn sâu người Kinh và người dân tộc thiểu số tại 3 địa bàn khảo sát liên quan đến mối quan hệ giữa người dân tộc thiểu số và người Kinh.

<sup>3</sup> Các địa phương được khảo sát bao gồm: xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh; thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng; xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tài nguyên nước được xem là nguồn tài nguyên quan trọng trong đời sống của tộc người thiểu số trong điều kiện địa hình tự nhiên chủ yếu là đồi, núi cao, dốc, nguồn nước mặt và nước ngầm đều hạn chế. Chính vì vậy, hầu hết các tộc người thiểu số vùng biên giới thường phải chịu cảnh thiếu nước, đặc biệt nước sạch sinh hoạt vào mùa khô. Việc phải chia sẻ nguồn nước dẫn đến những tranh chấp trong sử dụng nguồn nước của cư dân. Địa hình dốc nên các sông ở vùng biên giới là địa điểm lý tưởng để xây dựng các công trình thủy điện. Việc ngăn dòng sông, xây đập tạo hồ chứa với các mực nước dâng đảm bảo đủ để phát điện đã gây ảnh hưởng đến đất canh tác và việc sử dụng nguồn nước của tộc người thiểu số. Một số thủy điện, khi thỏa thuận với người dân về mức nước dâng khi xây dựng đã không trung thực, mức nước trong thỏa thuận với dân thấp hơn so với mức nước thực tế. Việc này dẫn đến việc kiểm kê tài sản bị ảnh hưởng của người dân không đúng, mức đền bù chưa hợp lý gây thiệt hại cho cộng đồng người dân các tộc người thiểu số tại địa phương dẫn đến những mâu thuẫn, tranh chấp khiếu kiện kéo dài, có thể trở thành điểm nóng trong tương lai nếu không có cách giải quyết hợp tình, hợp lý.

Đôi với rừng, mà chủ yếu là đất rừng, các lâm trường quốc doanh được xây dựng đã bao chiếm nhiều diện tích rừng ở khu vực biên giới, trong đó có cả những diện tích đất sản xuất cũ của người dân địa phương đang trong giai đoạn hưu canh, phục hóa. Sau này, khi các lâm trường quốc doanh được đổi mới vào những năm 2000, nhiều diện tích rừng đã được giao khoán cho các hộ gia đình, trong đó ở một số nơi, hộ gia đình người Kinh nhận giao khoán đất rừng nhiều hơn hộ đồng bào tộc người thiểu số. Thêm vào đó, cuộc chiến tranh biên giới năm 1979 kéo dài đến nhiều năm sau đã ngăn cản người dân địa phương quay về vùng đất cũ để sinh sống. Chỉ đến cuối những năm 1980, sau khi bộ đội tiến hành rà, phá bom mìn dọc theo biên giới, các vùng đất sát biên giới mới trở thành những vùng đất an toàn cho người dân sinh sống. Nhà nước đã tiến hành việc di dời nhiều tộc người thiểu số từ các vùng sâu, vùng xa hoặc ở những nơi lân cận nhưng thiếu đất sản xuất ra sát đường biên giới theo chương trình di dân ổn định biên giới. Khi đất đai ở vùng biên giới có giá trị, những tộc người thiểu số bắt đầu tiến hành các khiếu kiện để đòi đất ông, cha. Những khiếu kiện này chủ yếu ở các bộ phận người Tày, Nùng. Một số khiếu kiện đã được giải quyết theo hướng trả lại đất cho người dân; tuy nhiên, nhiều khiếu kiện đã không giải quyết được ở những nơi rừng phòng hộ, hoặc đất quy hoạch.

## *2.2. Sự phụ thuộc quá nhiều vào Trung Quốc và sự thao túng thị trường của tầng lớp trung gian người Kinh*

Trung Quốc là một thị trường lớn, sức tiêu thụ hàng hóa rất mạnh mẽ nên việc phát triển các khu vực biên giới dựa vào kinh tế biên mậu, kinh tế cửa khẩu là sự định hướng phát triển đúng đắn. Tuy nhiên, sự phụ thuộc quá nhiều vào thị trường Trung Quốc sẽ gây các ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển kinh tế bền vững ở khu vực biên giới khi các chính sách của nhà nước Trung Quốc đối với việc xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam thay đổi thường xuyên. Việc đóng, mở biên giới cho xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam - Trung Quốc có thể gây nên những thiệt hại to lớn về kinh tế cho các thương nhân Việt Nam, ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế của cả vùng. Trong những năm 2010, xuất nhập khẩu hàng hóa ở thị trấn Tà Lùng phát triển rất mạnh, thu hút người dân, cả người Kinh và tộc người thiểu số ở khắp nơi đến làm ăn, trao đổi hàng hóa với phía Trung Quốc do đó đẩy mạnh sự phát triển của các dịch vụ xuất nhập khẩu, dịch vụ bến bãi và dịch vụ bốc xếp hàng hóa. Người dân các tộc người thiểu số do kiếm được tiền từ các dịch vụ bốc xếp hàng hóa đã hạn chế các hoạt động sản xuất nông nghiệp, nhiều nơi đất đai còn bị bỏ hoang, không trồng cấy. Đất đai được nâng lên giá trị, tạo nên những cơn sốt đất vào thời kỳ 2015-2016. Kinh tế

người dân phát triển, thu nhập tăng cao, đồng thời các tệ nạn xã hội như nghiện hút, mại dâm cũng tăng cao. Từ năm 2020 trở lại đây, do việc Trung Quốc đóng cửa biên giới và hạn chế xuất nhập khẩu hàng hóa, thị trấn Tà Lùng gần như tê liệt trong phát triển kinh tế. Các dịch vụ xuất nhập khẩu hoạt động cầm chừng, các dịch vụ bốc xếp hàng hóa không còn cần thiết khi việc xuất nhập khẩu hàng hóa được thực hiện ở cửa khẩu chính, theo từng xe hàng mà không còn cần phải bốc dỡ. Người Kinh và người dân các tộc người thiểu số ở thị trấn đã rơi vào tình trạng khó khăn về kinh tế, nhiều người phá sản, buộc phải bán đất, cầm cố đất đai, tài sản để duy trì cuộc sống. Người dân các khu vực không gần cửa khẩu chuyển sang trồng sắn, trồng mía để bán nhưng thu nhập không cao, đời sống khó khăn khiến nhiều thanh niên phải đi tìm việc ở các khu công nghiệp sâu trong nội địa.

Hàng rào biên giới và những thay đổi trong chính sách nhập cảnh hàng nông, lâm nghiệp của phía Trung Quốc cũng khiến cho những khu vực sản xuất nông, lâm nghiệp xuất khẩu ở vùng biên giới và cả trong nội địa gặp nhiều khó khăn. Ví dụ như xã Bản Lầu là địa phương chuyên trồng dứa, chuối để xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Trước đây, hầu hết các mặt hàng dứa, chuối đều được thị trường Trung Quốc tiêu thụ hết, chỉ một số ít dứa, chuối có mẫu mã xấu mới được tiêu thụ ở thị trường trong nước. Tuy nhiên, việc phía Trung Quốc thay đổi chính sách nhập khẩu hàng hóa buộc hàng hóa không xuất qua các đường tiểu ngạch như trước mà phải xuất khẩu qua đường chính ngạch với các thủ tục xuất nhập khẩu nghiêm ngặt. Người dân, chủ yếu là tộc người thiểu số ở địa phương đã phải tìm đến tầng lớp trung gian người Kinh để tiêu thụ hàng hóa. Để tăng cao lợi nhuận, người Kinh đã tiến hành các thủ đoạn thao túng giá cả, cạnh tranh không lành mạnh dẫn đến sự thiệt hại cho người sản xuất khi dứa bị ép giá quá nhiều, ở hai xã cạnh nhau mà mức giá thu mua chênh lệch gần gấp đôi (ở Bản Lầu là 3-4000 đồng/kg dứa, trong khi ở Bản Phiệt là 5-6000 đồng/kg). Tình trạng tương tự cũng xảy ra đối với các loại lâm sản được xuất khẩu qua Trung Quốc.

### **3. Quan hệ giữa các tộc người thiểu số với người Kinh trong lĩnh vực xã hội**

#### **3.1. Chênh lệch phát triển giữa các tộc người thiểu số và người Kinh và tỷ lệ hộ nghèo là người tộc người thiểu số cao**

Các tộc người thiểu số sinh sống ở vùng biên giới chủ yếu dựa vào canh tác nông nghiệp hoặc lao động làm thuê tại các tổ bốc vác ở các cửa khẩu, lối mòn biên giới, vì thế thu nhập thường không cao. Trong khi đó, người Kinh, với sự nhanh nhạy trong làm ăn kinh tế, tham gia nhiều vào các sản xuất công nghiệp, thương mại và dịch vụ nên có thu nhập cao hơn. Sự khác biệt trong cách thức làm ăn giữa người dân các tộc người thiểu số và người Kinh dẫn đến sự chênh lệch phát triển giữa các tộc người thiểu số và người Kinh ngày càng cao. “Người Kinh có kinh tế ổn định và cao hơn người tộc người thiểu số. Có sự phân cấp trong kinh tế giữa người Kinh và người tộc người thiểu số. Giữa những người tộc người thiểu số cũng có sự phân cấp với nhau, người Tày, Nùng cũng nhiều người làm ăn tốt, không kém người Kinh nhưng cũng có người Tày, Nùng ở các khu vực xa cửa khẩu thì kinh tế cũng kém. Người Hmông, Dao là có đời sống kinh tế kém nhất” (PVS, Nam, Kinh, 40 tuổi, thị trấn Tà Lùng, Cao Bằng).

Theo các số liệu thống kê của nhà nước năm 2018, vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc có tỷ lệ hộ nghèo cao hơn nhiều so với cả nước, lên đến 22,5%, gấp hơn 4 lần tỷ lệ hộ nghèo toàn quốc là 5,2%. Trong tổng số hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo là tộc người thiểu số chiếm 88,7% (Trần Hồng Thu, 2020). Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỷ lệ hộ nghèo năm 2021 là 25,55%, trong đó hộ nghèo là tộc người thiểu số chiếm 90,15%. Ở các địa phương có người Tày, Nùng chiếm đa số thì tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn so với

các địa phương có người Hmông, Dao chiếm đa số, ví dụ như thị trấn Tà Lùng (đa số là người Tày, Nùng, Kinh) có tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo năm 2021 là 5,95%; xã Hoành Mô (đa số là người Tày, Dao, Sán Chỉ) là 8,38% và xã Bản Lầu (đa số là người Hmông, Dao, Kinh) là 22,55% (Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội thị trấn Tà Lùng, Hoành Mô và Bản Lầu, 2021).

Bên cạnh đó, với sự phát triển kinh tế thị trường mạnh mẽ ở vùng biên giới dẫn đến những cạnh tranh ngày càng khốc liệt, người dân các tộc người thiểu số rơi vào tình trạng yếu thế, thua thiệt trong việc cạnh tranh làm ăn kinh tế với người Kinh. Thêm vào đó, một bộ phận người Kinh đã lợi dụng tính cách thật thà, ít hiểu biết của người tộc người thiểu số để gian lận trong mua bán, ép giá, cầm cố, cho vay nặng lãi... ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa các tộc người thiểu số và người Kinh (Phan Văn Hùng và cộng sự, 2015).

### *3.2. Sự thiếu hụt việc làm*

Phần lớn người tộc người thiểu số ở vùng biên giới là lao động nông, lâm nghiệp, vì thế vào những dịp nông nhàn, người dân thường đi tìm kiếm việc làm tại các cửa khẩu, và qua biên giới làm thuê, buôn bán. Tuy nhiên, từ năm 2020 đến nay, hàng rào biên giới được xây dựng, cửa khẩu biên giới hạn chế xuất nhập cảnh và xuất nhập khẩu nên tình trạng dư thừa lao động của các tộc người thiểu số trở nên báo động. Phần lớn các thanh niên đã đi sâu vào nội địa tìm kiếm việc làm tại các khu công nghiệp ở các địa phương khác trên cả nước.

Đối với các lao động người tộc người thiểu số đã được đào tạo nghề, đào tạo ở các bậc học trung cấp, cao đẳng, đại học theo diện thi tuyển và cử tuyển cũng khó tìm kiếm được việc làm sau khi ra trường. Phần lớn sau khi học xong đã quay trở về địa phương nhưng không xin được việc làm do các quy định về tuyển dụng đã có nhiều thay đổi. Trước đây, người tộc người thiểu số đi học theo chế độ cử tuyển khi quay về được bố trí việc làm tại các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện... theo ngành học mà mình được cử đi học. Tuy nhiên hiện nay, các yêu cầu tuyển dụng đã thay đổi, không còn được bố trí việc làm nữa mà thay vào đó họ phải tham gia vào các đợt thi tuyển công chức, viên chức của địa phương. Phần lớn các thí sinh người tộc người thiểu số khi thi tuyển công chức, viên chức đã không cạnh tranh được với các thí sinh người Kinh. Các tiêu chuẩn mới trong tuyển dụng viên chức giáo dục cũng gạt bỏ nhiều thí sinh người tộc người thiểu số khi quy định chuẩn của thi tuyển vào viên chức giáo dục phải là bậc học đại học; như vậy, các em học trung cấp, cao đẳng đã không đạt chuẩn để trở thành giáo viên mặc dù địa phương vẫn còn thiếu nhiều giáo viên. Nhiều người thuộc tộc người thiểu số sau khi học xong ra trường quay trở về quê làm nông nghiệp hoặc đi làm công nhân tại các khu công nghiệp.

### *3.3. Gia tăng tệ nạn xã hội*

Cùng với sự phát triển của kinh tế cửa khẩu và sự xuất hiện ngày càng nhiều của người Kinh, các tệ nạn xã hội như buôn bán ma túy, nghiện hút, mại dâm, buôn bán người... cũng gia tăng ở khu vực biên giới. Qua phỏng vấn một tổ trưởng tổ dân phố ở thị trấn Tà Lùng cho biết, trước năm 2020 là thời kỳ kinh tế cửa khẩu rất phát triển, người dân ở nhiều địa bàn trên cả nước đã đến đây để tìm kiếm việc làm, trong đó có người Kinh và người dân các tộc người thiểu số. Trong số những người đến kiếm việc làm, có rất nhiều người nghiện ma túy, đặc biệt là các dân tộc Kinh, Hmông và Dao. Một số người trước khi đến đây đã nghiện từ trước, một số người đến đây mới bắt đầu hút chích do tiền kiếm được dễ dàng, họ dùng thuốc để cho đỡ mệt sau một ngày lao động. Nhiều người nghiện đã chết vì sốc thuốc, vì bị bệnh AIDS. Trong số những người nghiện ma túy, khoảng 50% là người dân tộc Kinh. Những đối tượng này rất tích cực tham gia vào đội ngũ buôn bán ma túy tại địa phương để kiếm tiền phục vụ cho việc hút, chích ma túy. Các gia đình có con cái rơi vào nghiện hút thì

kinh tế trở nên khó khăn, rất nhiều người rơi vào tình trạng nghèo đói. Bên cạnh đó, nạn mại dâm cũng bùng phát ở địa phương, cao điểm có đến hơn 200 gái mại dâm hoạt động trên địa bàn. Hiện nay, do cửa khẩu hạn chế xuất nhập khẩu, người dân tản đi các địa phương khác nên tệ nạn nghiện hút và gái mại dâm đã giảm nhiều. Tuy nhiên, tại nhiều thôn làng biên giới, số người nghiện hút ma túy là rất cao, đặc biệt trong lứa tuổi thanh niên. Số người nghiện ma túy ở vùng biên giới Việt - Trung chiếm gần một nửa trong tổng số người nghiện ma túy trên toàn quốc (Đậu Tuấn Nam và cộng sự, 2017).

#### **4. Quan hệ giữa các tộc người thiểu số với người Kinh trong lĩnh vực văn hoá**

*Sự tiếp biến quá mức văn hóa người Kinh dẫn đến sự mai một văn hóa tộc người.*

Quá trình giao lưu, tiếp xúc ngày càng nhiều giữa người tộc người thiểu số và người Kinh ở vùng biên giới, cùng với nhiều tác động của chính sách nhà nước, kinh tế thị trường, truyền thông, đã tạo nên sự tiếp biến văn hóa giữa các tộc người thiểu số với người Kinh đặc biệt theo hướng tiếp nhận nhiều văn hóa người Kinh của người dân các tộc người thiểu số. Nhiều người dân tộc thiểu số sinh sống trong những ngôi nhà xây lợp tôn hoặc cao tầng giống người Kinh, mặc trang phục như người Kinh, chế biến món ăn theo cách của người Kinh, ăn tết Nguyên đán theo lịch chung với người Kinh, thắp hương ngày rằm, mừng một, các trang phục cưới hỏi, trang trí, tổ chức đám cưới theo kiểu người Kinh, một bộ phận trẻ em và thanh niên chỉ học và nói tiếng phổ thông mà ít sử dụng, hoặc không nói được tiếng dân tộc mình (Nguyễn Thị Song Hà, 2021).

Nhiều đặc trưng văn hóa các tộc người tộc người thiểu số bị mai một, mất bản sắc và được thay thế bằng những văn hóa lai căng, văn hóa của người Kinh và các tộc người khác trong vùng. Điều này được xem là tác động tiêu cực đến quan hệ dân tộc giữa người Kinh và người tộc người thiểu số (Phan Văn Hùng và cộng sự, 2015). Một bộ phận người tộc người thiểu số đã không còn giữ được trang phục truyền thống dân tộc, chê bai những trang phục này màu sắc không tươi sáng, “bị điên mới mặc vào”. Lớp thanh niên trẻ ưa thích nhạc trẻ của người Kinh hơn là các bài hát dân tộc, coi những bài hát truyền thống của dân tộc là “buồn, chỉ thích hợp với người già”. Nhiều trẻ em chỉ biết tiếng Việt mà không còn sử dụng được tiếng dân tộc nữa.

#### **5. Quan hệ giữa các tộc người thiểu số với người Kinh trong lĩnh vực an ninh, chính trị**

*- Sự mất cân đối về cơ cấu dân tộc trong hệ thống chính trị, năng lực cán bộ người tộc người thiểu số còn thấp*

Trong hệ thống chính trị ở khu vực biên giới, tùy theo từng địa phương mà tỷ lệ cán bộ người Kinh và người tộc người thiểu số có sự chênh lệch đáng kể. Càng lên các cấp cao hơn, tỷ lệ cán bộ tộc người thiểu số giảm dần và tỷ lệ cán bộ người Kinh tăng lên. Trong các tộc người thiểu số, các dân tộc Tày, Nùng thường chiếm tỷ lệ cao trong đội ngũ cán bộ, còn các dân tộc Hmông, Dao, Sán Chỉ, Lô Lô... chiếm tỷ lệ rất thấp (Trương Minh Dục, 2020). Một cán bộ người Kinh chia sẻ “để đào tạo được một cán bộ tộc người thiểu số [người Hmông, Dao] là mất rất nhiều thời gian, luôn luôn phải tìm nguồn để đào tạo. Những người học giỏi thì người ta đã đi làm việc khác, còn những người ở nhà thì thường học dốt và không nhiệt tình. Trình độ học vẫn là một hạn chế lớn cho người tộc người thiểu số thi tuyển vào công chức khi hiện nay yêu cầu cán bộ thi tuyển phải có bằng đại học”(PVS, Nam, Kinh, Bản Lầu, Mường Khương, Lào Cai).

Ở những địa phương đa phần là dân tộc Hmông, Dao thì tỷ lệ cán bộ là người dân tộc này mới chiếm đa số trong hệ thống chính trị cơ sở, tuy nhiên, do trình độ năng lực của một bộ

phần cán bộ tộc người này còn nhiều hạn chế, nên các địa phương này được tăng cường, hỗ trợ nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ bằng các cán bộ người Kinh được luân chuyển hoặc bằng cán bộ biên phòng được biệt phái. Phần lớn các cán bộ tộc người thiểu số chủ yếu làm các công tác mặt trận, đoàn thể, dân vận hoặc công tác Đảng. Một số ít cán bộ tộc người thiểu số tham gia vào việc quản lý, điều hành hoặc các công tác chuyên môn (Trương Minh Đức, 2020). Phần lớn các vị trí chủ chốt, quản lý và chuyên môn là do người Kinh nắm giữ. Điều này cũng có nguyên nhân từ trình độ chuyên môn, năng lực làm việc của một bộ phận lớn người tộc người thiểu số còn nhiều hạn chế so với người Kinh, chưa đáp ứng được các yêu cầu theo nhiệm vụ được giao. Ở Tây Bắc, tỷ lệ cán bộ tộc người thiểu số tốt nghiệp đại học chênh lệch ít hơn so với người Kinh là 12 lần, số cán bộ tộc người thiểu số làm nhiệm vụ chuyên môn chênh lệch thấp hơn người Kinh là 4 lần (Trương Minh Đức, 2020).

*- Sự thiếu hụt các nguồn lực con người cho công tác đảm bảo an ninh quốc phòng*

Sự thiếu hụt việc làm ở khu vực biên giới hiện nay buộc phần lớn số người trong độ tuổi lao động (trung niên, thanh niên) đi làm việc tại các thành phố lớn, khu công nghiệp ở sâu trong nội địa. Những lao động này thường đi dài ngày ra khỏi địa phương, có khi lên đến cả năm hoặc vài năm. Ở nhà chỉ còn lại người già và trẻ em. Điều này khiến cho việc huy động lực lượng tham gia các công việc đảm bảo an ninh quốc phòng ở vùng biên giới gặp khó khăn.

## **6. Kết luận và một số khuyến nghị**

Các nội dung trên đã phân tích một số vấn đề đang đặt ra hiện nay trong mối quan hệ giữa các tộc người thiểu số và người Kinh và người Kinh ở các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị, có ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội và khối đại đoàn kết dân tộc. Để giải quyết các vấn đề đã nêu ra ở trên, bài viết đề xuất một số khuyến nghị phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội để góp phần phát triển mối quan hệ dân tộc tốt đẹp giữa các dân tộc thiểu số với người Kinh tại vùng biên giới, bao gồm:

### *6.1. Chính sách phát triển kinh tế*

- Cần thiết phải xây dựng một chiến lược chung đối với vùng biên giới để phát triển toàn diện kinh tế kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, chính trị nhằm phát triển các mối quan hệ dân tộc tốt đẹp giữa các dân tộc thiểu số với người Kinh đa số ở trong nước. Trong chính sách đối với vùng biên giới, không nên phân biệt giữa người Kinh và người dân tộc thiểu số mà nên có chính sách đồng đều áp dụng cho tất cả người dân. Người dân sinh sống ở vùng biên giới nên được hưởng các chính sách như nhau, có sự ưu tiên dành cho các hộ nghèo.

- Tăng cường hỗ trợ người dân các tộc người thiểu số chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, liên kết giá trị chuỗi trong nông nghiệp xanh, sạch, tuần hoàn và xây dựng các thương hiệu nông sản cho người nông dân trong điều kiện kinh tế của người dân các tộc người thiểu số vẫn là chủ đạo.

- Đầu tư, xây dựng các khu kinh tế, các khu công nghiệp, thương mại và dịch vụ ở các vùng biên giới. Có chính sách thu hút người Kinh đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới để phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến, xây dựng vùng nguyên liệu, tạo nhiều việc làm cho người dân các tộc người thiểu số nhằm giữ chân người dân ở lại vùng biên giới để phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước. Có cơ chế kiểm soát các hành vi lợi dụng người dân tộc thiểu số để trục lợi của một bộ phận người Kinh.

- Có chính sách đất đai hợp lý cho vùng biên giới để giải quyết các mâu thuẫn liên quan đến đất đai giữa người dân các tộc người thiểu số và các nông, lâm trường, giữa dân tộc thiểu số và người Kinh như bóc tách diện tích nương, rẫy cũ của người dân tộc thiểu số ra khỏi



các diện tích rừng đặc dụng; quy hoạch hợp lý các công trình thủy điện để tránh ảnh hưởng lớn đến đất sản xuất của người dân. Trong các trường hợp cần thu hồi đất để phát triển sản xuất và bảo đảm quốc phòng, cần có chế độ bồi thường hợp lý cho người dân bị mất đất.

### *6.2. Chính sách liên quan đến các lĩnh vực xã hội*

- Các chính sách giáo dục cần ưu tiên cho người dân tộc thiểu số để đảm bảo tăng cường chất lượng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số, phát triển nguồn cán bộ dân tộc thiểu số. Chính sách giáo dục đào tạo cần có sự phân luồng học sinh từ các cấp học thấp để đào tạo lực lượng lao động có tay nghề, nguồn lao động có chất lượng và đào tạo nguồn cán bộ. Cần có sự định hướng nghề nghiệp cho học sinh, thanh niên, gắn đào tạo với nhu cầu nguồn nhân lực của doanh nghiệp. Cần có cơ chế hỗ trợ cho học sinh dân tộc thiểu số học nghề (học phí và phụ cấp sinh hoạt).

- Có chính sách phát triển y tế cơ sở ở các vùng biên giới, bao gồm việc đào tạo cán bộ y tế người dân tộc thiểu số và thu hút người Kinh có trình độ chuyên môn y tế đến công tác tại các địa phương vùng biên giới. Tiếp tục chính sách hỗ trợ cho người dân tộc thiểu số trong bảo hiểm y tế để đảm bảo người dân tộc thiểu số vùng biên giới gia tăng cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế. Tăng cường việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân trong việc sử dụng các dịch vụ y tế hiện đại, hạn chế việc sử dụng các cách thức cúng bái để chữa bệnh, vừa tốn kém vừa gây hại cho sức khỏe của nhân dân.

- Có các chính sách quản lý và ngăn chặn các tệ nạn xã hội ở vùng biên giới một cách hợp lý. Thu hút sự tham gia của người dân vào việc tố giác tội phạm, tăng cường kiểm tra, giám sát để ngăn ngừa các hành vi phạm tội. Tăng cường tuyên truyền cho người dân địa phương nâng cao cảnh giác với các hành vi lừa đảo, buôn bán hàng lậu, chất cấm, nâng cao nhận thức của người dân về các tác hại của ma túy đối với sức khỏe và cuộc sống của con người. Xử phạt nặng và công khai các hành vi buôn bán ma túy, buôn bán người.

- Có chính sách đầu tư phát triển hạ tầng truyền thông cho vùng biên giới để có thể sản xuất được các chương trình truyền thông đạt chất lượng kỹ thuật, đồng thời cũng quản lý được các hoạt động truyền thông không mong muốn xâm nhập vào vùng biên giới. Tăng cường các hoạt động tuyên truyền về các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước, xây dựng văn hóa quốc gia, giữ gìn và bảo tồn văn hóa tộc người, củng cố ý thức quốc gia đối với các dân tộc thiểu số vùng biên giới.

### *6.3. Chính sách liên quan đến văn hoá*

- Có chính sách đầu tư cơ sở vật chất cho các thiết chế văn hóa cơ sở, như nhà văn hóa thôn và hệ thống trang thiết bị của nhà văn hóa thôn. Có thể cho phép vùng biên giới xây dựng nhà văn hóa theo cụm dân cư chứ không nhất thiết theo quy định là mỗi thôn một nhà văn hoá.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Tăng cao việc tuyên truyền người dân về giá trị văn hóa truyền thống và cách thức phát huy các giá trị văn hóa truyền thống để phát triển kinh tế, ổn định đời sống của người dân.

- Tiếp tục tăng cường các chính sách về tôn giáo, tín ngưỡng trên cơ sở tôn trọng các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng của người dân. Kiểm soát các hành vi truyền đạo trái phép, phát triển đạo lạ làm mất trật tự trị an vùng biên giới.

### *6.4. Chính sách về đảm bảo an ninh, chính trị và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc*

- Trong xây dựng hệ thống chính trị, cần thiết phải quy hoạch đội ngũ cán bộ theo các cơ cấu dân tộc, độ tuổi, trình độ, giới tính tuy nhiên không nên chú trọng vào cơ cấu quá nhiều

mà nên quan tâm nhiều đến yếu tố con người để hạn chế tình trạng cán bộ năng lực yếu, không xử lý được các công việc được giao.

- Tiếp tục thực hiện chính sách luân chuyển cán bộ nhưng cần có sự điều chỉnh để chính sách luân chuyển phát huy được hiệu quả. Việc luân chuyển theo thời gian 5 năm như hiện nay là quá ngắn và tạo nên tư duy nhiệm kỳ, chỉ cố gắng hoàn thành công việc được giao chứ không đi vào các chiến lược phát triển chiều sâu cho địa phương.

- Nên có chính sách hỗ trợ trong đào tạo đội ngũ cán bộ thôn bản. Nhiều cán bộ thôn, bản hiện đã cao tuổi nhưng không có người kế cận. Có thể cho phép cán bộ thôn, bản đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để có hỗ trợ khi đội ngũ này già, nghỉ. Nên có kinh phí để hỗ trợ cho các đoàn thể hoạt động tại thôn bản.

- Chế độ chính sách cho cán bộ làm việc tại các xã vùng biên giới nên có sự thống nhất với nhau giữa các xã nông thôn mới và các xã chưa đạt tiêu chí nông thôn mới do khối lượng công việc là như nhau, thậm chí các xã đông dân hơn thì công việc còn nhiều hơn, nhiều vấn đề cần phải giải quyết hơn. Hiện nay, xuất hiện tình trạng một số cán bộ xin chuyển lên vùng III để được hưởng lương cao hơn.

- Nhà nước nên có nguồn ngân sách hàng năm dành cho đối ngoại nhân dân ở các xã biên giới để khuyến khích các địa phương tăng cường đối ngoại nhân dân, không nên đề ra các quy định cứng nhắc như bao nhiêu xuất ăn, giá tiền cho một xuất quà là bao nhiêu.

- Kinh phí cho người dân phối hợp với lực lượng biên phòng trong tuần tra, phát quang biên giới cần được nâng lên, tối thiểu là ngang bằng với một ngày công lao động của người dân. Kinh phí hiện nay từ 80.000-150.000 đồng/ngày là quá thấp, chưa động viên được những người dân tích cực tham gia vào các hoạt động tuần tra, bảo vệ mốc giới, biên giới, chủ quyền quốc gia.

### Tài liệu tham khảo

Đậu Tuấn Nam và cộng sự. (2017). *Nghiên cứu mối quan hệ tộc người ở vùng biên giới với Trung Quốc góp phần ổn định xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng vùng Tây Bắc*. Báo cáo đề tài cấp nhà nước mã số: KHCN-TB.11X/13-18 do Học viện chính trị khu vực I chủ trì, thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2013-2018 “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc” mã số KHCN-TB/13-18.

Nguyễn Thị Song Hà. (chủ biên, 2021). *Biến đổi văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam từ Đổi mới đất nước đến nay*. Nxb. Khoa học xã hội.

Phan Văn Hùng và cộng sự. (2015). *Những vấn đề mới trong quan hệ dân tộc và định hướng hoàn thiện chính sách dân tộc ở nước ta*. Báo cáo đề tài cấp nhà nước mã số: KX.04.18/11-15 do Viện Dân tộc, Ủy ban dân tộc chủ trì, thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước “Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2011-2015” mã số KX.04/11-15.

Trần Hồng Thu. (2020). Xóa đói giảm nghèo ở các vùng biên giới Việt Nam từ 2010 - 2020: Chính sách, thực trạng và các vấn đề đặt ra. *Tạp chí Dân tộc học*. Số 5, tr. 62-75.

Trần Văn Hà. (2012). *Một số vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam*. Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ 2011-2012.

Trương Minh Dục. (2020). *Xu hướng biến đổi quan hệ dân tộc ở Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Ủy ban nhân dân xã Bản Lầu. (2021). *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế-xã hội xã Bản Lầu năm 2021*.

Ủy ban nhân dân xã Hoành Mô. (2021). *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế-xã hội xã Hoành Mô năm 2021*.

Ủy ban nhân dân thị trấn Tà Lùng. (2021). *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế-xã hội thị trấn Tà Lùng năm 2021*.